

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 17/01/2023.

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.
 - *Các hội thẩm nhân dân:*
 - 1/. Ông Nguyễn Văn Hải.
 - 2/. Ông Phạm Xuân Vinh.
 - *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bình.
- Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Ông Y Dim Kbuôr. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 425/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022. Về việc: “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/12/2022.

Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà L. Sinh năm: 2000.
Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- **Bị đơn:** Ông H. Sinh năm: 1996.
Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2022, bản tự khai ngày 19/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông H yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/10/2020.

Sau khi về chung sống với nhau được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn

bất đồng quan điểm sống với nhau, ông H thường xuyên đi uống rượu rồi về nhà đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của tôi, không tôn trọng gia đình vợ, mặc dù tôi đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ nhưng ông H không chịu thay đổi, vì vậy vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tôi có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà L xác nhận, trong quá trình chung sống bà L và ông H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà L không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt tất cả các buổi làm việc nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông H.

Ngày 30/12/2022 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên tòa xét xử vụ án, bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình; yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông H không có con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của bà L, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn bà L và bị đơn ông H. Tuy nhiên bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H không tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà L và bị đơn ông H.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2020, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/10/2020. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi về chung sống với nhau được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, ông H thường xuyên đi uống rượu rồi về nhà đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm bà L, không tôn trọng gia đình vợ, mặc dù bà L đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ nhưng ông H không chịu thay đổi, vì vậy vợ chồng bà L, ông H đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau. Mặt khác qua xác minh, làm việc với ban tự quản buôn Kon Hring, xã E, huyện K đã xác định: Ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại buôn Kon Hring, xã E, huyện K, trong quá trình chung sống bà L không chung thủy vợ chồng nên bà L và ông H xảy ra đánh đập, cãi vã nhau và đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2021 cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà L, ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà L có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với ông H, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 235 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà L được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà L không yêu

cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà L là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Xơ Đăng) cư trú ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 235 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà L được ly hôn với ông H.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà L là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Xơ Đăng) cư trú ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà L, bị đơn ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Yêng.
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

(Đã ký)

Phạm Hồng Trường